

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100003	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	13/12/2009	Nữ	10A12	
2	100006	Trịnh Võ Quỳnh Anh	24/01/2009	Nữ	10A12	
3	100012	Nguyễn Duy Bảo	11/11/2009	Nam	10A12	
4	100015	Nguyễn Gia Bảo	30/08/2009	Nam	10A11	
5	100016	Nguyễn Hồng Bảo	26/06/2009	Nam	10A10	
6	100017	Phan Thới Hoàng Bảo	31/08/2009	Nam	10A5	
7	100020	Nguyễn Thị Anh Bình	20/11/2009	Nữ	10A11	
8	100021	Nguyễn Thị Ái Bình	16/09/2009	Nữ	10A10	
9	100022	Phạm Văn Ca	01/10/2009	Nam	10A7	
10	100025	Nguyễn Đỗ Thanh Châu	20/03/2009	Nữ	10A7	
11	100028	Bùi Thị Kim Chi	11/07/2009	Nữ	10A6	
12	100030	Phạm Nguyễn Tùng Chi	27/03/2009	Nữ	10A7	
13	100032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	10A11	
14	100033	Võ Trường Chinh	26/10/2009	Nam	10A7	
15	100038	Võ Thành Công	10/06/2009	Nam	10A12	
16	100039	Lê Văn Danh	18/09/2009	Nam	10A6	
17	100041	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	10A11	
18	100042	Lê Ngọc Diễm	30/09/2009	Nữ	10A7	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100044	Trương Lê Phương Diễm	25/07/2008	Nữ	10A7	
2	100046	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/12/2009	Nữ	10A5	
3	100047	Võ Nguyễn Lâm Doãn	21/12/2009	Nam	10A7	
4	100052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	10A11	
5	100053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	10A10	
6	100057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	10A10	
7	100059	Nguyễn Tiến Dũng	22/06/2009	Nam	10A12	
8	100063	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	10A11	
9	100066	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	10A11	
10	100068	Đặng Xuân Đạt	11/07/2009	Nam	10A6	
11	100069	Nguyễn Tấn Đạt	14/07/2009	Nam	10A7	
12	100070	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	10A10	
13	100073	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	10A11	
14	100074	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	10A11	
15	100075	Dương Nguyễn Hương Giang	30/05/2009	Nữ	10A6	
16	100076	Lê Thị Kim Ha	25/05/2009	Nữ	10A11	
17	100078	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/09/2009	Nữ	10A12	
18	100079	Trần Võ Như Hà	15/07/2009	Nữ	10A12	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P17

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100080	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	10A7	
2	100083	Phạm Trung Hải	22/06/2009	Nam	10A12	
3	100084	Trần Thị Mỹ Hào	08/12/2009	Nữ	10A10	
4	100087	Trịnh Thị Thúy Hằng	19/03/2008	Nữ	10A12	
5	100089	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/01/2009	Nữ	10A6	
6	100090	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	10A10	
7	100102	Nguyễn Thị Hoa	12/09/2009	Nữ	10A6	
8	100109	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	10A11	
9	100111	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	10A10	
10	100113	Tiêu Viết Huy	23/03/2009	Nam	10A6	
11	100114	Võ Khắc Huy	08/07/2009	Nam	10A12	
12	100115	Hồ Thị Ngọc Huyền	30/06/2009	Nữ	10A12	
13	100118	Dương Gia Hưng	22/06/2008	Nam	10A5	
14	100119	Lê Nguyễn Văn Hưng	22/02/2009	Nam	10A7	
15	100122	Trịnh Văn Hữu	12/01/2008	Nam	10A6	
16	100124	Lê Quang Khang	30/12/2009	Nam	10A5	
17	100125	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	10A11	
18	100130	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	10A11	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P18

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100131	Huỳnh Xuân Khánh	23/01/2009	Nữ	10A11	
2	100132	Nguyễn Hiếu Khánh	19/12/2009	Nữ	10A6	
3	100133	Trần Quốc Khánh	03/10/2009	Nam	10A11	
4	100138	Đỗ Đăng Khoa	18/04/2009	Nam	10A12	
5	100140	Nguyễn Cao Khoa	17/03/2009	Nam	10A5	
6	100143	Võ Anh Khoa	17/03/2009	Nữ	10A7	
7	100146	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	10A10	
8	100147	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	10A11	
9	100150	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/05/2009	Nữ	10A6	
10	100153	Đỗ Phan Kiệt	25/12/2009	Nam	10A5	
11	100155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	10A10	
12	100160	Nguyễn Bá Kỳ	18/09/2009	Nam	10A12	
13	100164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	10A11	
14	100165	Võ Thị Kim Liên	23/09/2009	Nữ	10A12	
15	100166	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	10A11	
16	100167	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	10A10	
17	100169	Trương Dương Thùy Linh	30/08/2009	Nữ	10A5	
18	100175	Võ Gia Lộc	31/10/2009	Nữ	10A11	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P19

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100179	Đàm Thị Khánh Ly	03/11/2009	Nữ	10A6	
2	100180	Nguyễn Gia Ly	11/12/2009	Nữ	10A12	
3	100181	Trần Thị Kim Ly	24/04/2008	Nữ	10A7	
4	100183	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	10A10	
5	100185	Võ Thị Cẩm Ly	20/12/2009	Nữ	10A5	
6	100187	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	10A11	
7	100190	Phạm Ngọc Minh	06/08/2009	Nam	10A7	
8	100193	Nguyễn Thị Diễm My	30/03/2009	Nữ	10A12	
9	100195	Võ Nguyễn Tường My	14/10/2009	Nữ	10A7	
10	100196	Võ Vy Hà My	09/06/2009	Nữ	10A7	
11	100199	Nguyễn Thị Ly Na	24/06/2009	Nữ	10A7	
12	100200	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	10A11	
13	100201	Võ Thị Mi Na	17/05/2009	Nữ	10A6	
14	100203	Trần Thủy Nga	07/07/2009	Nữ	10A11	
15	100205	Phạm Nguyễn Thanh Ngà	31/10/2009	Nữ	10A5	
16	100206	Đinh Ngọc Ngân	11/11/2009	Nữ	10A5	
17	100207	Hồ Thị Thuý Ngân	10/08/2009	Nữ	10A5	
18	100208	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	10A11	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P20

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100209	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	10A10	
2	100210	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2009	Nữ	10A7	
3	100211	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/02/2009	Nữ	10A6	
4	100212	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	10A11	
5	100216	Võ Thị Tuyết Ngân	18/06/2009	Nữ	10A6	
6	100217	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	10A10	
7	100218	Võ Phạm Phương Nghi	25/08/2009	Nữ	10A12	
8	100219	Võ Thị Thúy Nghi	16/09/2009	Nữ	10A12	
9	100222	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	10A10	
10	100224	Lý Ngô Bảo Ngọc	26/09/2009	Nữ	10A7	
11	100226	Nguyễn Tiến Ngọc	23/08/2009	Nam	10A5	
12	100227	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	10A11	
13	100229	Phù Thị Ngọc	13/03/2009	Nữ	10A7	
14	100230	Trình Yến Ngọc	25/10/2009	Nữ	10A11	
15	100236	Võ Trịnh Như Nguyệt	04/01/2009	Nữ	10A6	
16	100237	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/01/2009	Nữ	10A7	
17	100241	Võ Duy Nhân	05/05/2009	Nam	10A12	
18	100243	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	10A11	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P21

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100245	Phan Văn Quang Nhật	28/06/2009	Nam	10A5	
2	100246	Cao Nguyễn Tú Nhi	30/04/2008	Nữ	10A6	
3	100247	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	10A11	
4	100250	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	10A10	
5	100253	Mai Phạm Yến Nhi	10/08/2009	Nữ	10A6	
6	100254	Nguyễn Hồng Yến Nhi	05/11/2009	Nữ	10A5	
7	100255	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/09/2009	Nữ	10A6	
8	100256	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	10A11	
9	100257	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	10A10	
10	100258	Trần Yến Nhi	09/11/2009	Nữ	10A7	
11	100261	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	10A10	
12	100263	Nguyễn Thị Kiều Nhung	09/05/2009	Nữ	10A5	
13	100264	Nguyễn Thị Thúy Nhung	08/05/2009	Nữ	10A6	
14	100265	Trương Thị Yến Nhung	04/02/2009	Nữ	10A5	
15	100268	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	10A7	
16	100269	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2009	Nữ	10A6	
17	100270	Nguyễn Thị Tịnh Như	17/12/2009	Nữ	10A7	
18	100271	Phan Thị Quỳnh Như	26/05/2009	Nữ	10A7	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P22

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100272	Phạm Thị Quỳnh Như	21/08/2009	Nữ	10A5	
2	100274	Nguyễn Thúy Ni	25/04/2009	Nữ	10A7	
3	100276	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/05/2009	Nữ	10A5	
4	100279	Nguyễn Thị Xuân Nữ	03/01/2009	Nữ	10A12	
5	100283	Võ Thị Hoài Ny	20/04/2009	Nữ	10A7	
6	100284	Nguyễn Thị Phương Oanh	03/02/2009	Nữ	10A12	
7	100287	Nguyễn Trần Minh Phát	23/03/2009	Nam	10A5	
8	100292	Đỗ Duy Phin	10/10/2009	Nam	10A11	
9	100295	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	10A11	
10	100297	Phạm Đình Hoàng Phong	02/04/2009	Nam	10A12	
11	100298	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	10A10	
12	100300	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	10A10	
13	100302	Nguyễn Hoàng Phúc	03/03/2009	Nam	10A12	
14	100304	Bùi Duy Phương	19/08/2009	Nam	10A6	
15	100306	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03/02/2009	Nữ	10A12	
16	100308	Nguyễn Hữu Phước	19/08/2009	Nam	10A12	
17	100312	Nguyễn Nguyễn Như Phượng	18/12/2009	Nữ	10A7	
18	100316	Phạm Thị Nguyễn Quyên	17/12/2009	Nữ	10A5	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P23

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100317	Tiêu Thị Thảo Quyên	08/04/2009	Nữ	10A5	
2	100318	Trương Thị Quyên	02/03/2009	Nữ	10A12	
3	100319	Võ Hồng Quyền	08/05/2009	Nam	10A12	
4	100320	Nguyễn Văn Quyên	01/04/2009	Nam	10A5	
5	100321	Mai Nguyễn Xuân Quyết	17/11/2009	Nam	10A6	
6	100323	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	10A11	
7	100324	Đinh Thị Như Quỳnh	17/07/2009	Nữ	10A6	
8	100325	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/03/2009	Nữ	10A6	
9	100327	Phạm Dạ Quỳnh	31/07/2009	Nữ	10A11	
10	100329	Trần Như Quỳnh	28/10/2008	Nữ	10A7	
11	100330	Trần Võ Như Quỳnh	13/05/2009	Nữ	10A6	
12	100331	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	10A10	
13	100332	Đặng Tấn Rin	20/10/2009	Nam	10A7	
14	100333	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	10A11	
15	100336	Trương Nhật Sinh	14/03/2009	Nam	10A6	
16	100337	Nguyễn Ngọc Sơn	12/03/2009	Nam	10A12	
17	100338	Trương Công Hoàng Sơn	09/09/2009	Nam	10A12	
18	100339	Bùi Hữu Minh Tâm	26/08/2008	Nam	10A6	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P24

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100340	Nguyễn Thị Hồng Tâm	12/05/2009	Nữ	10A6	
2	100343	Nguyễn Duy Thanh	25/03/2009	Nam	10A5	
3	100346	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	10A10	
4	100347	Bùi Thanh Thảo	26/05/2009	Nữ	10A5	
5	100349	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	10A11	
6	100350	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	10A10	
7	100351	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	10A10	
8	100352	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	10A11	
9	100353	Phạm Thị Thanh Thảo	01/03/2009	Nữ	10A7	
10	100354	Huỳnh Ngọc Thạch	27/04/2009	Nam	10A12	
11	100364	Phạm Vũ Ngọc Thiện	18/08/2009	Nam	10A12	
12	100367	Nguyễn Phúc Thịnh	31/10/2009	Nam	10A12	
13	100369	Nguyễn Thành Thịnh	28/05/2009	Nam	10A5	
14	100370	Nguyễn Tuấn Thịnh	16/05/2009	Nam	10A12	
15	100371	Bùi Kim Thoa	27/12/2009	Nữ	10A7	
16	100372	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	10A10	
17	100374	Lê Thị Thuyền	25/08/2009	Nữ	10A11	
18	100376	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	10A10	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P25

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100377	Nguyễn Thị Thủy	03/12/2009	Nữ	10A6	
2	100378	Võ Thị Thu Thủy	01/07/2009	Nữ	10A5	
3	100379	Bùi Nguyễn Khánh Thư	09/08/2009	Nữ	10A11	
4	100380	Bùi Võ Quý Thư	03/12/2009	Nữ	10A10	
5	100381	Lê Anh Thư	04/07/2009	Nữ	10A10	
6	100382	Nguyễn Anh Thư	29/11/2009	Nữ	10A7	
7	100384	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/12/2009	Nữ	10A6	
8	100385	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/07/2009	Nữ	10A7	
9	100386	Nguyễn Phan Anh Thư	29/09/2009	Nữ	10A7	
10	100388	Nguyễn Thị Anh Thư	18/12/2009	Nữ	10A7	
11	100389	Nguyễn Thị Hoài Thư	16/08/2009	Nữ	10A6	
12	100390	Nguyễn Thị Minh Thư	16/08/2009	Nữ	10A6	
13	100391	Phạm Thị Anh Thư	08/12/2009	Nữ	10A6	
14	100394	Ngô Thị Hoài Thương	27/05/2009	Nữ	10A7	
15	100396	Nguyễn Thanh Thức	23/01/2009	Nam	10A10	
16	100398	Nguyễn Bảo Thy	15/06/2009	Nữ	10A5	
17	100400	Nguyễn Huỳnh Hải Thy	21/09/2009	Nữ	10A7	
18	100401	Huỳnh Đỗ Thủy Tiên	07/01/2009	Nữ	10A5	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P26

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100405	Võ Thị Kim Tiền	19/03/2009	Nữ	10A10	
2	100409	Thiều Hữu Bảo Toàn	03/11/2009	Nam	10A7	
3	100418	Lê Đăng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	10A10	
4	100421	Phạm Thị Mai Trâm	02/05/2009	Nữ	10A7	
5	100422	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	10A11	
6	100424	Phan Văn Triết	23/12/2009	Nam	10A6	
7	100425	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	10A10	
8	100427	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	10A10	
9	100432	Trương Quang Trọng	10/12/2009	Nam	10A12	
10	100434	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	10A10	
11	100437	Lê Thị Minh Trúc	21/04/2009	Nữ	10A5	
12	100440	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	10A11	
13	100444	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	10A10	
14	100445	Phạm Quốc Tuấn	16/10/2009	Nam	10A6	
15	100448	Nguyễn Văn Tuyền	07/07/2009	Nam	10A5	
16	100449	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	10A11	
17	100450	Nguyễn Thị Tuyết	10/07/2009	Nữ	10A5	
18	100457	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	10A11	
19	100458	Phạm Khả Uyên	26/07/2009	Nữ	10A6	
20	100461	Bùi Thị Thanh Vi	20/06/2009	Nữ	10A12	
21	100464	Hồ Võ Anh Việt	10/01/2009	Nam	10A5	

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ 2

Năm học: 2024 - 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P27

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100465	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	10A10	
2	100466	Nguyễn Thị Bích Việt	27/06/2009	Nữ	10A12	
3	100468	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	10A10	
4	100471	Phạm Vương Vĩ	16/05/2009	Nam	10A5	
5	100472	Bùi Anh Võ	07/09/2008	Nam	10A5	
6	100473	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	10A10	
7	100474	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	10A10	
8	100475	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	10A11	
9	100477	Lê Quang Vương	08/02/2009	Nam	10A5	
10	100479	Trương Thanh Vương	17/10/2009	Nam	10A6	
11	100480	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	10A10	
12	100483	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	10A10	
13	100485	Phạm Thị Yên	08/04/2009	Nữ	10A5	
14	100487	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	10A11	
15	100488	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	10A10	
16	100489	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	10A10	
17	100490	Trần Thị Hải Yến	17/06/2009	Nữ	10A6	
18	100491	Võ Thị Bảo Yến	08/10/2009	Nữ	10A5	
19	100492	Võ Thị Bảo Yến	08/09/2009	Nữ	10A7	
20	100493	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	10A7	
21	100496	Đỗ Như Ý	05/02/2009	Nữ	10A12	
22	100497	Phạm Minh Hải	29/07/2009	Nam	10A12	